

**DANH SÁCH PHÁT HIỆN VI PHẠM TTATGT ĐƯỜNG BỘ THÔNG QUA
TRUNG TÂM GIÁM SÁT ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÀ LẠT
(TỪ NGÀY 12/07/2026 ĐẾN NGÀY 15/09/2026)**

STT	Biển số	Hành vi vi phạm
1	86E-003.85	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
2	61A-858.21	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
3	62H-041.59	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
4	94A-064.17	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
5	49A-581.64	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
6	49A-715.78	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
7	51K-522.16	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
8	51K-201.99	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
9	49A-443.94	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
10	79A-127.78	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
11	79H-091.53	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
12	49A-782.54	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
13	79A-512.10	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
14	85C-062.04	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
15	43B-340.12	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
16	79A-361.94	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển

[illegible]

38	84A-093.52	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
39	48C-035.56	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
40	47A-570.85	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
41	49A-204.79	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
42	95A-074.60	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
43	61A-446.47	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
44	61A-667.10	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
45	49A-573.02	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
46	49A-148.03	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
47	49C-371.08	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
48	47C-394.91	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
49	49X3303	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
50	51M-240.47	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
51	49A-153.67	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
52	79A-623.06	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
53	49A-496.85	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
54	51G-829.64	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
55	30K-157.40	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
56	61K-022.13	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
57	79A-169.55	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
58	79A-324.51	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển

59	50H-587.37	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
60	79A-429.15	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
61	72N8296	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
62	47C-340.73	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
63	22A-081.24	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
64	79A-492.64	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
65	49A-212.55	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
66	49A-486.01	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
67	92C-201.49	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
68	49A-815.24	6.4.k.Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển
69	49A-497.17	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
70	47C-235.68	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
71	47C-325.63	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
72	65A-743.42	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
73	79A-345.26	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
74	48C-074.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
75	49C-316.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
76	49A-151.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
77	83A-192.64	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
78	49H-108.04	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
79	61K-418.14	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

80	60C-776.26	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
81	60K-269.68	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
82	64A-346.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
83	86A-144.19	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
84	85A-105.77	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
85	49H-034.60	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
86	49H-041.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
87	79A-291.98	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
88	51H-923.14	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
89	79A-726.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
90	51H-646.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
91	51F-638.05	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
92	61C-523.42	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
93	49A-657.58	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
94	43B-226.71	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
95	43B-340.81	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
96	49A-170.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
97	49A-049.69	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
98	49A-536.06	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
99	36A-418.83	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
100	49B-118.37	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

101	49A-078.52	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
102	49H-089.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
103	49A-135.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
104	79A-484.19	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
105	49A-540.65	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
106	79H-100.62	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
107	51D-788.05	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
108	49A-710.40	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
109	79A-500.90	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
110	49C-111.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
111	49A-359.93	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
112	49X6692	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
113	49A-303.32	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
114	36A-573.43	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
115	79A-759.72	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
116	60K-221.21	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
117	51K-696.71	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
118	49A-435.97	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
119	79A-198.21	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
120	51H-884.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
121	49A-973.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

122	56P2054	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
123	85A-135.54	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
124	49A-724.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
125	36A-716.07	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
126	49E-014.30	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
127	72A-191.01	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
128	79A-229.37	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
129	51A-409.33	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
130	49A-327.06	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
131	49A-486.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
132	86A-111.55	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
133	49A-305.79	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
134	65A-066.36	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
135	49A-381.29	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
136	79A-742.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
137	86A-142.88	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
138	65H-088.64	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
139	49B-204.28	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
140	49D-018.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
141	86A-323.97	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
142	49A-486.16	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

143	78A-250.02	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
144	49A-747.77	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
145	49C-111.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
146	79A-364.11	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
147	78A-168.53	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
148	79F-002.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
149	86A-079.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
150	49B-468.88	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
151	49C-187.42	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
152	79A-607.06	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
153	49A-110.04	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
154	60B-105.87	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
155	49A-317.43	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
156	79A-207.25	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
157	49C-287.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
158	49A-541.52	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
159	30H-111.99	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
160	60B-140.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
161	51G-578.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
162	51L-967.26	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
163	51G-158.40	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

164	79A-570.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
165	49A-497.69	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
166	77A-215.35	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
167	85A-110.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
168	49A-581.90	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
169	68A-004.18	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
170	49A-299.13	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
171	49A-289.40	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
172	49C-328.76	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
173	30B-215.58	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
174	49A-958.79	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
175	47A-333.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
176	79A-170.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
177	49A-233.92	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
178	49A-853.17	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
179	49H-034.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
180	93C-139.72	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
181	49A-773.27	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
182	47A-718.77	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
183	49A-044.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
184	79A-376.77	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

185	49A-819.78	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
186	49A-398.13	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
187	61K-358.95	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
188	85C-067.32	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
189	50H-502.86	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
190	49C-188.27	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
191	51K-690.54	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
192	79A-597.97	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
193	49B-207.67	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
194	12A-020.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
195	79A-771.47	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
196	49A-088.13	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
197	49B-051.27	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
198	49A-307.33	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
199	60B-121.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
200	86A-006.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
201	56N2568	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
202	75A-171.43	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
203	50H-439.44	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
204	79A-034.67	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
205	49A-293.69	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

206	49A-952.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
207	51B-049.78	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
208	49C-351.26	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
209	51M-859.42	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
210	49A-127.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
211	49A-118.35	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
212	49A-376.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
213	49B-057.85	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
214	47A-464.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
215	49A-717.39	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
216	49B-026.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
217	51M-909.38	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
218	49A-462.34	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
219	49A-556.36	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
220	49A-114.63	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
221	77A-065.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
222	65A-559.15	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
223	51L-351.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
224	49C-294.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
225	51L-678.60	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
226	49C-308.06	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

227	79C-188.53	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
228	49A-412.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
229	79A-559.59	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
230	49A-658.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
231	49A-305.21	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
232	49A-215.29	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
233	86A-307.19	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
234	49H-071.35	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
235	49A-808.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
236	30L-610.45	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
237	49A-706.82	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
238	79A-165.37	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
239	49A-809.11	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
240	93B-014.66	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
241	49B-055.96	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
242	66A-247.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
243	47A-893.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
244	79A-440.71	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
245	50E-943.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
246	79A-504.17	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
247	51F-205.10	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

248	79A-254.97	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
249	86A-078.78	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
250	49A-728.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
251	49B1220	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
252	49A-496.02	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
253	51F-665.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
254	30H9944	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
255	49B-040.40	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
256	47H-173.16	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
257	49A-807.23	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
258	51L-000.27	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
259	49A-575.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
260	48A0343	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
261	49A-490.64	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
262	49X6110	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
263	49A-234.39	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
264	49A-427.54	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
265	49A-868.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
266	49A-387.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
267	49A-595.52	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
268	51K-778.78	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

269	49E-007.91	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
270	51L-496.65	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
271	79A-386.81	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
272	79A-584.23	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
273	49B-055.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
274	79A-360.35	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
275	51L-856.98	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
276	51K-104.15	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
277	61A-702.71	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
278	49A-493.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
279	49B-225.82	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
280	79A-194.09	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
281	29Z9777	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
282	51N-014.81	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
283	51M-942.58	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
284	49A-457.00	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
285	79H-060.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
286	79A-200.91	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
287	49A-250.96	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
288	50H-303.25	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
289	51B-766.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

290	51H-705.92	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
291	49D-011.03	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
292	71E-006.17	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
293	85A-046.15	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
294	49A-260.27	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
295	49A-416.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
296	49A-362.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
297	51M-555.04	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
298	30L-590.77	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
299	79A-713.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
300	49A-698.36	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
301	49B-072.60	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
302	49B-196.09	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
303	49C-377.00	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
304	49A-860.64	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
305	79A-525.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
306	49A-644.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
307	61A-451.51	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
308	85A-169.91	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
309	48A-090.29	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
310	70A-289.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

311	49A-416.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
312	49A-398.45	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
313	49A-565.85	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
314	49A-258.17	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
315	49C-370.60	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
316	79A-564.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
317	86A-131.49	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
318	47A-291.99	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
319	79A-518.47	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
320	71A-257.95	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
321	49C-289.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
322	69A-079.89	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
323	49A-316.88	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
324	60K-305.54	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
325	51H-620.92	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
326	47A-348.42	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
327	50H-945.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
328	61K-130.05	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
329	51N-919.63	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
330	49A-385.53	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
331	79A-075.88	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

332	49H-038.83	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
333	49B-130.50	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
334	51M-604.90	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
335	49A-474.07	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
336	30H-259.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
337	79C-227.30	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
338	86A-284.47	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
339	79A-578.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
340	84A-075.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
341	51L-224.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
342	64A-335.31	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
343	65C-200.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
344	49A-163.96	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
345	49A-462.91	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
346	79A-495.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
347	48A-308.34	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
348	49C-240.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
349	49A-213.43	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
350	51H-879.68	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
351	50E-734.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
352	61K-156.99	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

353	79C-228.47	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
354	79A-398.96	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
355	49A-137.45	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
356	69A-173.51	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
357	49A-636.61	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
358	49C-276.57	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
359	49A-511.56	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
360	79H-070.01	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
361	49H7290	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
362	49A-261.83	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
363	51H-769.10	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
364	49A-010.66	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
365	86A-006.70	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
366	51A-357.22	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
367	51H-615.81	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
368	51M-771.24	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
369	79A-696.46	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
370	71A-284.92	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
371	49A-353.39	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
372	51A-075.73	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
373	60A-940.53	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

374	89C-301.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
375	49A-954.53	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
376	56P2054	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
377	49A-337.98	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
378	60D-011.75	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
379	49A-628.68	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
380	49D-009.02	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
381	51G-106.14	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
382	49A-000.43	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
383	77A-368.81	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
384	49C-336.88	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
385	49A-695.13	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
386	49A-387.19	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
387	47A-487.75	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
388	27A-052.08	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
389	51F-269.21	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
390	72A-216.83	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
391	50E-524.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
392	30F-131.74	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
393	86A-132.54	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
394	49B-071.01	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

395	60A-369.60	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
396	49A-274.01	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
397	60C-524.04	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
398	50E-942.24	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
399	49A-186.79	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
400	50E-181.98	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
401	49A-904.59	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
402	85A-138.40	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
403	49C-112.96	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
404	77A-097.23	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
405	49H-108.50	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
406	60K-722.03	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
407	50E-957.26	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
408	50H-919.69	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
409	49C-282.66	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
410	65A-385.80	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
411	49H-071.24	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
412	49C-167.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
413	49C-159.66	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
414	49B-163.65	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
415	49A-477.06	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

416	60H-358.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
417	79A-571.83	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
418	36H-122.48	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
419	51M-044.84	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
420	49C-229.13	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
421	81H-138.41	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
422	51G-572.44	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
423	51H-441.12	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
424	49A-577.21	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
425	49C-319.29	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
426	61K-401.95	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
427	49A-138.03	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
428	60K-590.92	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
429	49A-822.68	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
430	49D-009.02	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
431	61K-260.24	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
432	49A-372.24	6.9.b.Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông
433	50F-090.81	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
434	51M-769.38	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
435	60A-597.01	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
436	79A-598.44	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

437	82A-132.12	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
438	86A-018.96	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
439	60C-660.01	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
440	79A-442.58	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
441	51L-359.07	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
442	51B-751.50	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
443	79A-402.82	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
444	36K-236.06	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
445	79A-464.17	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
446	43A-426.05	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
447	79A-430.71	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
448	78A-099.46	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
449	47A-517.68	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
450	47C-159.12	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
451	79A-233.35	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
452	74A-097.00	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
453	93A-377.38	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
454	43A-831.11	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
455	70A-301.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
456	48A-030.00	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
457	51H-338.58	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

458	74A-208.33	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
459	49A-305.66	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
460	92A-322.49	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
461	86H-043.48	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
462	48A-081.64	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
463	76A-216.41	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
464	86A-358.16	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
465	49A-530.88	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
466	49A-593.64	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
467	79A-395.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
468	79A-441.02	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
469	79A-544.33	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
470	48C-072.78	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
471	79A-086.33	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
472	51K-846.35	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
473	60K-065.65	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
474	79A-380.24	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
475	60K-927.40	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
476	51L-594.70	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
477	51A-944.54	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
478	49A-273.19	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

479	49A-049.45	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
480	85A-046.77	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
481	48A-105.02	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
482	51M-652.01	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
483	60K-163.69	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
484	49A-791.55	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
485	78A-130.61	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
486	76A-479.27	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
487	50H-806.23	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
488	51H-427.47	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
489	79A-472.35	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
490	51F-456.56	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
491	86A-201.30	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
492	72C-259.32	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
493	79A-394.59	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
494	49A-662.42	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
495	79A-570.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
496	60K-752.93	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
497	93C-196.62	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
498	51H-789.68	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
499	79H-119.34	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

500	78A-165.40	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
501	68A-182.92	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
502	60K-359.18	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
503	60K-498.69	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
504	34A-055.40	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
505	49A-941.22	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
506	62A-156.57	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
507	81H-087.49	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
508	85A-104.92	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
509	49A-715.32	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
510	86A-264.70	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
511	49A-683.36	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
512	79A-778.63	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
513	60A-586.68	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
514	79A-345.70	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
515	79A-601.80	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
516	76A-097.12	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
517	82A-107.73	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
518	65A-274.98	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
519	51H-547.66	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
520	47A-986.47	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

521	51K-244.80	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
522	78A-162.75	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
523	49A-164.03	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
524	49A-731.54	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
525	69C-064.88	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
526	49A-519.40	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
527	79A-324.69	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
528	30G-040.97	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
529	83A-109.99	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
530	72A-348.89	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
531	85A-110.38	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
532	85A-122.43	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
533	79A-612.16	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
534	47A-391.84	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
535	47B-036.21	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
536	79A-349.91	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
537	65A-392.29	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
538	92A-104.04	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
539	67A-482.75	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
540	50H-549.22	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
541	61K-239.45	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

542	78A-270.53	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
543	79A-136.10	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
544	78A-053.61	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
545	61A-626.59	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
546	63A-198.34	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
547	85A-052.82	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
548	93A-251.70	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
549	79A-884.12	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
550	68A-555.32	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
551	47A-612.55	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
552	79A-502.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
553	92A-379.33	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
554	49A-549.03	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
555	52S9539	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
556	62A-261.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
557	66A-119.53	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
558	49A-136.59	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
559	92A-184.26	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
560	72A-246.11	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
561	86A-258.62	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
562	51M-122.22	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

563	60G-001.36	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
564	48A-201.66	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
565	65A-715.70	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
566	80A-055.11	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
567	85C-073.29	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
568	60C-520.42	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
569	47A-690.44	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
570	60A-041.23	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
571	19B-345.99	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
572	79A-300.49	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
573	60K-755.42	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
574	86A-422.78	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
575	64A-187.31	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
576	79A-216.52	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
577	62A-230.87	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
578	79A-327.28	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
579	86A-263.11	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
580	51H-912.14	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
581	49C-061.75	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
582	72A-375.90	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
583	79A-419.80	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

584	48A-033.45	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
585	60A-846.00	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
586	51L-750.47	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
587	43A-638.30	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
588	79A-147.21	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
589	79A-727.74	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
590	43C-226.43	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
591	51A-491.90	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
592	79A-075.57	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
593	48A-236.12	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
594	79A-442.37	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
595	79A-890.72	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
596	79A-618.31	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
597	86A-033.54	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
598	47A-645.35	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
599	77L0234	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
600	51A-805.45	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
601	85A-025.05	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
602	86A-172.57	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”
603	61K-115.29	6.9.d.Đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”